

Số: *1113*/HDLN-SNNPTNT-STC

Điện Biên, ngày *11* tháng *6* năm 2020

HƯỚNG DẪN

Quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính ban hành hướng dẫn liên ngành về quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng(DVMTR) đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã), tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ SỬ DỤNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng được hưởng tiền chi trả DVMTR.

2. Mục tiêu quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

Tiền DVMTR của UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng phải được quản lý và sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn các xã, phường, thị trấn.

3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Quản lý và sử dụng tiền DVMTR đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định về chi trả DVMTR.

b) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng để tiếp nhận tiền DVMTR và thực hiện các giao dịch theo quy định.

c) Việc sử dụng tiền DVMTR của UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng để phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng phải xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt.

II. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG

1. Nguồn thu

a) Tiền DVMTR được nhận từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;

b) Tiền DVMTR năm trước của UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng chưa sử dụng hết chuyển sang năm sau;

c) Các khoản thu khác từ tiền DVMTR theo quy định (nếu có).

2. Trình tự, nội dung xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng

Căn cứ vào nguồn kinh phí được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo hàng năm, UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng Phương án sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình

Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố quyết định phê duyệt làm căn cứ để tổ chức thực hiện, gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Kho bạc nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố (nếu mở tài khoản tại kho bạc) để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Sử dụng tiền dịch môi trường rừng

a) Đối với trường hợp có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư (Ưu tiên khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản, hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ sống ổn định, lâu dài trong và gần kề các khu rừng được tham gia bảo vệ rừng nhằm cải thiện sinh kế cho người dân và giảm thiểu tác động của người dân đến rừng) quy định tại Điểm d, Khoản 3 Điều 70, NĐ 156/2018/NĐ-CP như sau:

- 90% tổng số tiền DVMTR nhận được từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh dùng để chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng;

- 10% tổng số tiền DVMTR nhận được từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh dùng để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gồm: Các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng; chi trả lương và các khoản có tính chất lương đối với các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

b) Đối với trường hợp không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích:

Tương tự, khuyến khích áp dụng theo quy định sử dụng tiền đối với chủ rừng là tổ chức (tại Điểm c, Khoản 3, Điều 70, Nghị định số 156/2018 NĐ-CP) như sau:

- Toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được sử dụng cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được giao trách nhiệm quản lý rừng, nội dung chi gồm:

- + Chi cho người bảo vệ rừng;

- + Xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng;

+ Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật;

+ Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm;

+ Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng;

+ Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng;

+ Các khoản chi khác như xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu rừng cung ứng DVMTR; chi trả lương và các khoản có tính chất lương đối với các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Nội dung chi và mức chi

a) Chi cho người bảo vệ rừng: Mức chi theo Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Chi xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng: Mức chi theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật: Mức chi hỗ trợ theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND, ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, các văn bản sửa đổi, bổ sung của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có) và các văn bản quy định khác của pháp luật về tai nạn, thương tật;

d) Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ: Quy định theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ; mức chi theo Bộ Luật lao động được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 và các văn bản hiện hành khác;

đ) Công tác kiêm nhiệm: Quy định theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV của Bộ Nội vụ và các văn bản hiện hành;

e) Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng: Mức chi theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và các văn bản hiện hành khác;

f) Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng: mức chi theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

g) Các khoản chi khác như: Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu rừng cung ứng DVMTR; chi trả lương và các khoản có tính chất lương đối với các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Chế độ kế toán

UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng áp dụng chế độ kế toán hiện hành theo quy định về chế độ kế toán đối với loại hình tổ chức.

6. Quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng và cơ quan xét duyệt quyết toán

a) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng khóa sổ kế toán và nộp báo cáo theo quy định về quản lý tài chính.

b) Xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, thị xã, thành phố xét duyệt Báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định;

- Báo cáo quyết toán sau khi được xét duyệt gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Kho bạc nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố (nếu mở tài khoản tại kho bạc) để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

c) Thời gian xét duyệt quyết toán kinh phí chi trả DVMTR thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ tài chính đối với từng loại hình tổ chức;

d) Chế độ báo cáo: UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động với Hội đồng nhân dân cấp xã (*đối với UBND cấp xã*), UBND cấp huyện, thị xã, thành phố, và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

7. Quản lý tài sản

Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí chi trả DVMTR (nếu có) được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

III. KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

1. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền DVMTR của UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

b) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền DVMTR đối với diện tích rừng có cung ứng DVMTR đã giao khoán bảo vệ rừng cho bên nhận khoán; đôn đốc, hướng dẫn các cộng đồng, cá nhân có liên quan đến việc thực thi chính sách chi trả DVMTR; theo dõi việc sử dụng tiền chi trả DVMTR theo hướng dẫn này và các quy định hiện hành của pháp luật.

c) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng chịu sự chỉ đạo toàn diện của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền về thực hiện chính sách chi trả DVMTR.

d) Các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân tham gia giám sát đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng liên quan đến sử dụng tiền DVMTR.

2. Công khai tài chính

a) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó, phải công khai danh sách đối tượng được chi trả, số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả hằng quý, hằng năm theo Quy chế dân chủ ở cơ sở bằng các hình thức như niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và tại nơi họp cộng đồng dân cư thôn hoặc nơi thuận lợi nhất của tổ chức được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng để người dân tiện theo dõi, giám sát hoặc thông

báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn hoặc công bố trong hội nghị nhân dân của xã, thôn, bản, tổ chức được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng;

b) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện thanh toán qua tài khoản ngân hàng hoặc giao dịch thanh toán điện tử tiền DVMTR chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và các đơn vị có liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện hướng dẫn này;

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về kết quả thực hiện chính sách chi trả DVMTR đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh hướng dẫn các UBND cấp xã, tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, kiểm tra quyết toán nguồn vốn theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với diện tích rừng được giao trách nhiệm quản lý; thực hiện niêm yết công khai danh sách các bên nhận khoán bảo vệ rừng được hưởng tiền DVMTR theo đúng quy định;

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm cấp huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan chuyên môn có liên quan của huyện thẩm định phương án sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với diện tích rừng do UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước được giao trách nhiệm quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố phê duyệt gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, thị xã, thành phố xét duyệt Báo cáo quyết toán kinh phí chi trả DVMTR của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định;

d) Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền DVMTR của UBND cấp xã, tổ chức khác trên địa bàn được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn quản lý;

đ) Tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước về thực hiện chính sách chi trả DVMTR theo Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

4. Hiệu lực thi hành

Văn bản này được áp dụng từ ngày ký ban hành.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, bất cập đề nghị các địa phương, cơ quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *ck*

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Bùi Minh Hải

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Hội đồng Quản lý Quỹ BV&PTNT tỉnh;
- Ban Giám sát HĐ Quản lý Quỹ BV&PTNT tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước Điện Biên;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Chi cục: Kiểm lâm, Lâm nghiệp;
- Hạt Kiểm lâm các huyện; thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT Sở NN&PTNT;